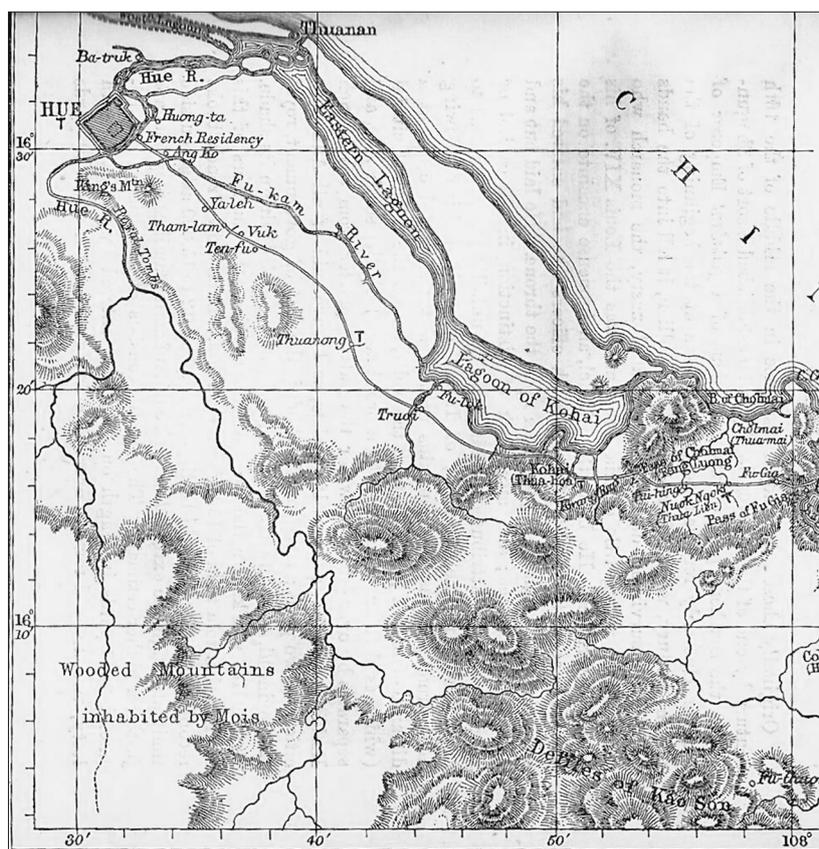


ĐI TÌM DIỆN MẠO CỦA MỘT DÒNG SÔNG CỔ: SÔNG AN CỰU

Nguyễn Quang Trung Tiến*

Sông An Cựu vốn dĩ là một dòng sông tự nhiên cổ xưa đóng vai trò quan trọng trong hệ thống Sông Hương trên địa bàn Thừa Thiên Huế từ trước Công nguyên, do kiến tạo địa lý và thay đổi đột ngột về chế độ thủy văn nên nước chuyển dòng làm con sông bị giảm lưu lượng nước, bồi lấp, thu hẹp dần và đứt đoạn, đánh mất vai trò là nguồn cung cấp nước chính cho phá Hà Trung-đầm Cầu Hai và cửa biển Tư Hiền kể từ đầu thế kỷ XV; để rồi hơn 400 năm sau, khi được nạo vét, kết nối khơi thông trở lại nhằm phục vụ việc tưới tiêu đồng ruộng và giao thông thủy nội địa quy mô nhỏ kể từ đầu thế kỷ XIX, nó lại bị nhận lầm là “con sông đào”.



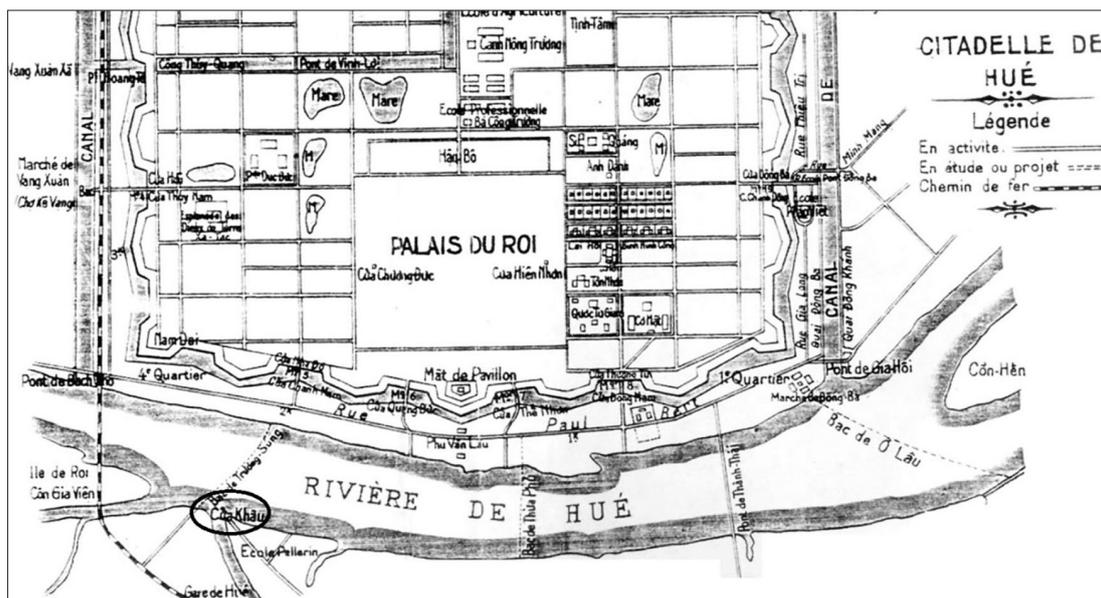
Ảnh 1: Sông An Cựu [Fu-kam] trong tổng thể địa mạo, thủy văn vùng đông nam Thừa Thiên thế kỷ XIX. (Nguồn: George N. Curzon, *The Geographical Journal*, Vol II, N°3, September 1893).

* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Cũng vì “chết” đi ngót nửa thiên niên kỷ rồi “sống lại” nhờ khơi vét, sự liên mạch hay nhất quán về tên gọi của dòng sông xưa cổ đã biến mất theo thời gian, thay vào đó là những địa danh đời sau, nơi có những đoạn sông chảy qua, được lấy làm tên sông, mỗi nơi một tên, tạo thành cả chuỗi tên sông; nên dù đã được nhà nước thời Nguyễn đặt cho một cái tên chính thức và thống nhất toàn bộ dòng sông là Lợi Nông, đến nay dòng sông vẫn cứ mang nhiều tên, và mỗi người, mỗi nơi cứ gọi mỗi cách tùy theo địa phương hay nhận thức.

1. Vị trí địa lý

Sông An Cựu [tạm gọi theo tên được dùng trên bản đồ vệ tinh hiện nay, sẽ nói cụ thể ở phần tên sông] là một chi lưu của hệ thống Sông Hương, điểm khởi đầu từ vị trí chính giữa Cửa Khâu,⁽¹⁾ nơi làn nước giao nhau giữa bờ nam Sông Hương và sông An Cựu đoạn gần phía đuôi cồn Dã Viên, ở tọa độ $16^{\circ}27'33.8''N$ và $107^{\circ}34'33.4''E$ [hệ Degrees Minutes Seconds - DMS] hoặc 16.459391 và 107.575940 [hệ Decimal Degrees - DD]; điểm kết thúc sông nằm tại vị trí chính giữa mép ngoài Cổng Quan, nơi nước đổ ra phá Hà Trung-đâm Cầu Hai, ở tọa độ $16^{\circ}21'35.5''N$ và $107^{\circ}46'32.9''E$ [hệ DMS] và 16.359866, 107.775812 [hệ DD],⁽²⁾ có chiều dài khoảng 27 cây số.



Ảnh 2: Vị trí Cửa Khâu [chỗ khoanh tròn] nơi sông An Cựu tiếp giáp Sông Hương trên bản đồ Kinh Thành Huế năm 1909.

(Nguồn: Nguyễn Thứ, “Citadelle de Hué”, BAVH, N°1-2, Janvier-Juin 1933).

Tính từ Cửa Khâu nằm giữa hai phường Phường Đức và Vĩnh Ninh thuộc thành phố Huế đến Cổng Quan nằm ở xã Vinh Hà thuộc huyện Phú Vang, dòng chính của sông An Cựu chảy qua địa giới hoặc xuyên qua địa bàn 20 phường

xã thuộc 4 thành phố, thị xã, huyện của tỉnh Thừa Thiên Huế, gồm: các phường Phường Đúc, Vĩnh Ninh, Trường An, Phước Vĩnh, Phú Nhuận, Phú Hội, An Cựu, An Đông [thành phố Huế]; phường Thủy Dương, phường Thủy Phương, xã Thủy Thanh, phường Thủy Châu, phường Thủy Lương, xã Thủy Tân, xã Thủy Phù [thị xã Hương Thủy]; xã Phú Lương, thị trấn Phú Đa, xã Vinh Thái, xã Vinh Hà [huyện Phú Vang] và hai xã Lộc Bôn, Lộc An [huyện Phú Lộc].



Ảnh 3: Không ảnh đoạn Sông Hương trước kinh thành Huế những năm 1960. Cửa Khâu nằm phía dưới cồn Dã Viên, nơi có tháp nước. (Nguồn: flickr.com).

Ngoài nguồn nước nhận được từ dòng chính Sông Hương qua Cửa Khâu, sông An Cựu còn nhận nước từ nhiều con sông nhỏ khác: Sông Vực bắt nguồn từ hồ Châu Sơn chảy qua địa phận các phường Thủy Phương, Thủy Châu thuộc thị xã Hương Thủy đổ vào; sông Phú Bài [nguyên mang tên Phù Bài] bắt nguồn từ hồ Khe Lờ chảy qua địa phận xã Thủy Phù đổ vào; Sông Nông [Nong] bắt nguồn từ dãy Bạch Mã qua địa phận xã Lộc Bôn thuộc huyện Phú Lộc đổ vào; có thêm nước từ sông Như Ý đổ vào qua chỗ hợp lưu với sông An Cựu ở địa phận phường Thủy Châu thuộc thị xã Hương Thủy và xã Phú Lương thuộc huyện Phú Vang.

2. Tên gọi của dòng sông

Đây là con sông có rất nhiều tên gọi, từ những tên khá phổ biến chỉ chung cho cả dòng sông như An Cựu, Lợi Nông, Phủ Cam, cho đến những tên gắn với từng đoạn sông như Đại Giang, Hà Tạ, Cống Quan...; hay thậm chí có những đoạn sông được gọi tên theo các địa danh hoặc tên làng như Bến Ngự, Thanh Thủy, Lang Xá, Lương Văn, Thiệu Hóa, Hà Trữ...

Trong 3 tên gọi mang tính đại diện cho cả dòng sông hiện nay, có lẽ tên sông An Cựu ra đời sớm nhất, gắn với tên làng An Cựu có lịch sử hình thành từ thời Lê thế kỷ XV-XVI.⁽³⁾ Tên gọi sông An Cựu được lưu truyền rộng rãi trong dân gian từ khoảng 500 năm nay, mang tính đại diện cho cả con sông chứ không chỉ đoạn sông ngang qua làng An Cựu, được dùng trong các văn bản chính thức của nhà nước cho đến năm 1821 thời nhà Nguyễn, thể hiện rất rõ trong bộ biên niên sử *Đại Nam thực lục* của Quốc Sử Quán triều Nguyễn.

Đến tháng hai năm Tân Tỵ, niên hiệu Minh Mạng năm thứ 2 [1821], vua Minh Mạng chính thức đổi tên sông An Cựu thành sông Lợi Nông. “Vua xem bản đồ Kinh thành, bảo thị thần rằng: Tiên đế khai con sông này là lợi muôn đời cho nông dân. Bèn đặt tên là sông Lợi Nông. Sai dựng kệ đá ở trên dưới cửa sông để ghi nhớ”.⁽⁴⁾ Từ đó, các văn bản của triều Nguyễn thôi dùng tên sông An Cựu, mà hầu như chỉ sử dụng tên Lợi Nông khi nói về con sông này trong *Đại Nam thực lục*. Tuy nhiên, dấu tên Lợi Nông được nhà nước đặt ra, nhưng dân gian nhiều nơi, nhiều đời vẫn cứ duy trì những tên gọi cũ, thậm chí còn gán hai chữ Lợi Nông vào một đoạn sông chứ không dùng theo nghĩa là cả con sông.

Vậy còn tên sông Phủ Cam thì sao? Về nguồn gốc, phủ Cam là một công trình kiến trúc ra đời ở thế kỷ XVII, gắn liền với phủ Dương Xuân và phủ Tập Tụng được xây dựng thời các chúa Nguyễn ở bờ nam Sông Hương.⁽⁵⁾ Chính từ vị trí của phủ Cam nằm bên bờ con sông này, người Việt đã lấy tên phủ để gọi đoạn sông chảy qua đây là sông Phủ Cam.

Tên sông Phủ Cam ra đời muộn hơn tên sông An Cựu ngót hai trăm năm và không được quy định chính thức bởi nhà nước như tên sông Lợi Nông; người Việt sử dụng tên sông Phủ Cam cũng không nhiều bằng tên sông An Cựu và sông Lợi Nông.

Tuy nhiên, một điều tra sơ bộ của chúng tôi qua các văn bản của người Pháp có đề cập con sông này tính từ đầu thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX đã cho thấy điều ngược lại: người Pháp sử dụng rất phổ biến tên sông Phủ Cam, còn tên sông An Cựu hay sông Lợi Nông thì mãi đến đầu thế kỷ XX họ mới dùng, nhưng rất ít (xem bảng 1).

Bảng 1: Tỷ lệ sử dụng tên sông Phủ Cam, An Cựu, Lợi Nông trong 68 văn bản của người Pháp từ đầu thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX.⁽⁶⁾

Tên sông	Thời điểm được dùng		Số văn bản dùng	Tỷ lệ (%)
	Thế kỷ XIX	Nửa đầu thế kỷ XX		
Phủ Cam	24	39	63	92,65
An Cựu	0	2	2	2,94
Lợi Nông	0	3	3	4,41
Cộng	24	44	68	100

Việc sử dụng tên sông Phủ Cam trong văn bản của người Pháp cũng có sự đa dạng theo thứ lớp thời gian giữa sông tự nhiên (rivière de Phu-cam), sông đào (canal de Phu-cam), lạch (arroyo de Phu-cam); trong đó sông đào được dùng nhiều nhất (chủ yếu ở nửa đầu thế kỷ XX), tiếp đến là sông tự nhiên (phổ biến ở thế kỷ XIX), còn lạch là ít nhất và chỉ ở nửa đầu thế kỷ XX (xem bảng 2).

Bảng 2: Tỷ lệ sử dụng tên sông tự nhiên (rivière de Phu-cam), sông đào (canal de Phu-cam), lạch (arroyo de Phu-cam) đối với sông Phủ Cam trong 63 văn bản của người Pháp từ đầu thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX.

Tên sông	Thời điểm được dùng		Số văn bản dùng	Tỷ lệ (%)
	Thế kỷ XIX	Nửa đầu thế kỷ XX		
Rivière de Phu-cam	20	0	20	31,75
Canal de Phu-cam	4	34	38	60,31
Arroyo de Phu-cam	0	5	5	7,94
Cộng	24	39	63	100

Trên các bản đồ do người Pháp thiết lập ở thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX cũng như khi mô tả con sông, tên sông Phủ Cam được hiển thị thành một dòng liên mạch từ đầu sông giáp bờ nam Sông Hương đến tận cửa sông giáp phá Hà Trung-đầm Cầu Hai, chứ không chỉ dùng cho đoạn sông đi ngang qua Phủ Cam như nhiều người Việt quan niệm. Việc sử dụng phổ biến tên sông Phủ Cam của người Pháp có lẽ do nơi đây có họ đạo Phủ Cam hình thành từ thế kỷ XVII, có nhà thờ xuất hiện từ năm 1682, có trụ sở khá sớm của các linh mục thuộc Hội Thừa sai Paris (Société des Missions étrangères de Paris) cùng nhiều dòng tu khác, và sau đó là có nhà thờ Chính tòa Phủ Cam; nên ngay từ đầu cho đến thế kỷ XIX, các giáo sĩ đến Huế thích dùng cái tên Phủ Cam như là địa điểm tụ hội chính của họ ở đầu con sông, hơn là tên An Cựu trước đó hay tên Lợi Nông sau đó, tạo thành thói quen chung của người Pháp.

Bên cạnh 3 tên sông đã được dùng để gọi toàn bộ dòng sông theo ba cách khác nhau: sông Phủ Cam do người Pháp sử dụng phổ biến, sông An Cựu do dân gian (kể cả nhà nước) gọi từ xưa, sông Lợi Nông do nhà Nguyễn đặt từ năm 1821, vẫn tồn tại nhiều tên sông được gọi theo địa danh gắn với từng đoạn sông, và ngay cả 3 tên sông Phủ Cam, An Cựu, Lợi Nông cũng có khi được gọi theo cách hiểu như thế.

Theo mạch tư duy từng khúc sông, con sông này tính từ đầu đến cuối cửa sông có các tên gọi đã hoặc đang được dùng là: sông Bến Ngự⁽⁷⁾ [đoạn chảy qua ranh giới các phường Vĩnh Ninh, Phường Đức, Trường An thuộc thành phố Huế];⁽⁸⁾ sông Phủ Cam [đoạn chảy qua ranh giới các phường Phước Vĩnh, Vĩnh Ninh, Phú Nhuận thuộc thành phố Huế]; sông An Cựu [đoạn chảy qua ranh giới và địa bàn các phường Phú Nhuận, Phú Hội, An Cựu, An Đông thuộc thành phố Huế]; sông Lợi Nông [đoạn chảy qua ranh giới và địa bàn phường Thủy Dương, phường Thủy

Phương, xã Thủy Thanh, phường Thủy Châu thuộc thị xã Hương Thủy và xã Phú Lương thuộc huyện Phú Vang]; sông Đại Giang [đoạn chảy qua ranh giới và địa bàn phường Thủy Lương, xã Thủy Tân, xã Thủy Phù thuộc thị xã Hương Thủy và thị trấn Phú Đa huyện Phú Vang]. Tại thôn Trường Lưu thuộc thị trấn Phú Đa, sông Đại Giang tách thành hai nhánh: Một nhánh chảy qua các xã Vinh Thái, Vinh Hà và đổ ra đầm Cầu Hai tại Cống Quan. Nhánh còn lại là dòng chính Đại Giang, chảy qua các xã Lộc Bôn, Lộc An thuộc huyện Phú Lộc và cũng đổ ra đầm Cầu Hai tại Cống Quan.

Ngoài ra, có những đoạn sông được người địa phương gọi theo tên làng nên ít phổ biến: như sông Thanh Thủy [đoạn sông qua làng Thanh Thủy thuộc xã Thủy Thanh và phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy], sông Lang Xá [đoạn sông qua làng Lang Xá thuộc xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy], sông Lương Văn [đoạn sông qua làng Lương Văn thuộc phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy], sông Thiệu Hóa [đoạn sông nhánh tách ra từ dòng chính Đại Giang tại thị trấn Phú Đa], sông Hà Trữ [đoạn sông Thiệu Hóa chảy qua làng Hà Trữ thuộc xã Vinh Thái, huyện Phú Vang], sông Hà Tạ, sông Cống Quan [đoạn dòng chính Đại Giang qua các xã Lộc Bôn, Lộc An thuộc huyện Phú Lộc].⁽⁹⁾

Tổng cộng các dạng tên gọi nêu trên, sông An Cựu có ít nhất là 12 cái tên đã hoặc đang được dùng, sớm nhất là từ thời Lê (thế kỷ XV-XVI) và muộn nhất là từ thời Nguyễn (thế kỷ XIX) đến nay. Hiện tượng lạ kỳ về số lượng tên sông quá nhiều này cho thấy dòng sông có một lai lịch kỳ lạ, nếu không muốn nói là ly kỳ, mà bất kể người nào có chút suy tư cũng không khỏi thắc mắc.

3. Vì đâu nên nổi lăm tên?

Mỗi dòng sông thường nằm trong một chuỗi hệ thống các mắt xích liên kết chặt chẽ và có quan hệ nhân quả với nhau: đầu nguồn, dòng sông, cửa sông và những biến động địa lý, thủy văn liên quan toàn bộ những mắt xích đó. Sông An Cựu cũng không là ngoại lệ.

Tam Giang - Cầu Hai là một dạng đầm phá nước lợ độc đáo điển hình của Việt Nam nằm trên đất Thừa Thiên Huế và được xem là lớn nhất Đông Nam Á. Được hình thành và phát triển trong thời Holocen,⁽¹⁰⁾ cách đây khoảng 2.500 năm, hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai chỉ có duy nhất một cửa thông ra biển là Tư Hiền, kéo dài đến thế kỷ XIV.⁽¹¹⁾ Điều này liên quan mật thiết đến dòng chính của hệ thống Sông Hương ngày nay lúc đó đang còn chảy ra phá Hà Trung - đầm Cầu Hai qua ngả sông An Cựu.

Sự tồn tại duy nhất cửa Tư Hiền trong hệ đầm phá này được duy trì suốt 2.000 năm (từ khởi thủy đến thế kỷ XIV), chính là do con sông An Cựu cổ đã đóng vai trò cung cấp nguồn nước chính từ hệ thống Sông Hương đổ ra phá Hà Trung - đầm

Cầu Hai. Nước qua sông An Cựu cổ đã tạo nên một vùng đầm phá bao la ở phía nam, nuôi sống cửa Tư Hiền, mà đến tận thế kỷ XVI, sau khi đã có thêm Cửa Eo (cửa Thuận An) ra đời được 150 năm, Dương Văn An trong *Ô Châu cận lục* (1553) vẫn còn mô tả rằng: “đầm phá mênh mông không biết là mấy ngàn vạn khoảnh... vốn do các nguồn Kim Trà,⁽¹²⁾ Cổ Nông,⁽¹³⁾ Hưng Bình,⁽¹⁴⁾ Cao Đồi⁽¹⁵⁾ đổ về”.⁽¹⁶⁾

Thậm chí, đến năm 1776, khi viết *Phủ biên tạp lục* tại Thuận Hóa [Huế], Lê Quý Đôn vẫn còn phản ánh độ mênh mông của thủy vực Hà Trung - Cầu Hai là: “Phá Hà Trung rộng lớn không thấy bờ, không biết là bao nhiêu mẫu khoảnh, dân cư ở vòng quanh bốn bề, bờ phá những chỗ lồi vào đều thành một cái đầm”.⁽¹⁷⁾

Chắc chắn rằng sông An Cựu hiện nay đã từng được đặt tên, ít hẵn là tên tiếng Chăm, khi vùng đất này nằm trong lãnh thổ vương quốc Champa từ thế kỷ thứ II đến đầu thế kỷ XIV. Tuy nhiên, cuộc bàn giao Chiêm - Việt qua hôn lễ giữa vua Chế Mân (Jaya Simhavarman III) và công chúa Huyền Trân nhà Trần năm 1306 đã làm gián đoạn mạch ngôn ngữ thể hiện tên gốc Chăm của dòng sông này. Để rồi một thế kỷ sau, năm Giáp Thân, niên hiệu Khai Đại thứ hai thời Hồ [1404],⁽¹⁸⁾ có thêm Cửa Eo, tức cửa Hòa Duân [cửa Thuận An cũ trước năm 1904, khác với cửa Thuận An hiện nay nằm cách cửa cũ chừng 4km về phía bắc, mới vỡ ra sau mùa bão lụt lớn năm 1904] được mở ra,⁽¹⁹⁾ đánh dấu giai đoạn trưởng thành và phát triển của hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai; đồng thời, cửa Tư Hiền bắt đầu thời kỳ suy giảm chức năng cửa khẩu chính của hệ đầm phá và gần như liên tục gánh chịu những biến động lớn về địa lý - thủy văn.

Chính sự chuyển đổi dòng chảy chính từ hướng đông nam (sông An Cựu cổ) sang hướng đông bắc (Sông Hương) là tác nhân quan trọng làm vỡ thêm Cửa Eo năm 1404,⁽²⁰⁾ đồng thời khiến sông An Cựu cổ cạn nước dần, bị bồi lấp, đứt đoạn và mất sự liên mạch của dòng chảy cũ. Vài trăm năm sau, sông An Cựu cổ chỉ còn những khúc sông ngắn đứt đoạn nối với nhau qua những lạch cạn hay khe hẹp; và tên gọi từng khúc sông, đoạn sông trên nền của con sông cổ chảy qua các làng mạc mới của người Việt thành lập ở hai bên bờ kể từ thế kỷ XV cũng theo đó lần lượt xuất hiện. Tên gọi chung cho cả dòng sông trước đó bị chìm vào quên lãng bởi thời gian, và bởi cả sự đứt đoạn về thủy văn trong thực tế.

Kể từ khi con sông An Cựu cổ chuyển vai trò là dòng chảy phụ, trở thành chi lưu của dòng chảy chính Sông Hương từ đầu thế kỷ XV, hàng loạt biến đổi có tính hệ thống liên quan dòng sông cổ đã diễn ra qua những chỉ báo cụ thể:

Cửa Tư Hiền bị giảm sút lưu lượng nước chính nhận từ dòng chảy của sông An Cựu cổ (kết hợp với những yếu tố khác) nên lạch nước nông dần, bắt đầu thu hẹp cửa khẩu, trở thành cửa phụ của hệ đầm phá và bị cuốn vào chu kỳ đóng - mở, thay đổi vị trí cửa biển liên tục suốt hơn 500 năm nay.



Ảnh 4: Vị trí Cống Quan [chỗ khoanh tròn] nơi cửa sông An Cựu đổ ra phá Hà Trung - đầm Cầu Hai trên bản đồ năm 1960. (Nguồn: flickr.com).

Việc giảm sút nguồn nước từ sông An Cựu cổ cũng khiến phá Hà Trung - đầm Cầu Hai bị hiện tượng bồi tụ đáy, cạn hóa và thu hẹp thủy vực, diện tích mặt nước không còn “mênh mông ngàn vạn khoảnh” như xưa.

Sông An Cựu cổ mất vai trò là dòng chảy chính còn làm cho nhiều đầm ở cửa sông quanh khu vực phá Hà Trung - đầm Cầu Hai bị suy thoái, một số đầm từng lưu dấu qua sử sách dần trở thành đầm tách biệt, đầm cạn hoặc đồng ruộng (như đầm Tô Đà ở Hương Thủy, đầm Hòa Đa ở Phú Vang), hoặc gần như biến mất.

Giảm lưu lượng nước chảy qua cũng làm dòng sông cổ biến thành những khúc sông nông và hẹp, đứt đoạn và phai mờ dấu vết liên mạch của con sông, tạo tồn tại khách quan về thủy văn khiến đời sau gán tên những đoạn sông vào địa danh làng xã ven bờ, đặt nhiều tên sông khác nhau và thậm chí xem đó là những con sông khác nhau.

Đầu miệng con sông cổ, ở vị trí Cửa Khâu giáp Sông Hương trở lên phía thượng nguồn giáp khe Long Thọ, cũng hình thành bãi đất bồi dài và rộng ven bờ nam Sông Hương, cùng với cồn Dã Viên trên Sông Hương chia đôi dòng nước bên rộng (chảy thẳng trước Kinh Thành Huế) bên hẹp (chảy vào sông An Cựu), là hệ quả và cũng là dấu tích của sự chuyển đổi dòng chính từ phải qua trái, từ hướng đông nam sang hướng đông bắc của hệ thống Sông Hương vào đầu thế kỷ XV.

Sự chuyển đổi dòng chính từ sông An Cựu cổ sang Sông Hương bắt nguồn từ đâu thì cần được các nhà địa lý học tiếp tục nghiên cứu, song những kết quả bước

đầu của giới nghiên cứu địa chất về hệ đứt gãy Huế có thể được xem là một phần lý do khiến dòng sông An Cựu cổ đánh mất vai trò dòng chảy chính.

Dòng chính Sông Hương hiện nay tính từ ngã ba Tuần, nơi hội lưu của hai nhánh sông Tả Trạch và Hữu Trạch, chảy qua Huế xuống phá Tam Giang, rồi đổ ra biển chủ yếu qua cửa Thuận An. Do địa hình thay đổi đột ngột, từ thượng lưu xuống đồng bằng có nhiều đoạn chuyển tiếp rất hẹp, nên vùng trung lưu của hệ thống Sông Hương rất ngắn, do hệ đứt gãy Huế gây nên.

Theo giới nghiên cứu, đây là một hệ đứt gãy khá sâu chạy dài theo hướng á vĩ tuyến, nối với hệ đứt gãy sâu Đa Krông - A Lưới trên đỉnh Trường Sơn. Dưới trường sức ép theo phương bắc-nam của thạch quyển, hệ đứt gãy Huế bị xiết ép dãn dôi, đẩy khối thạch quyển nam Huế trôi lên cao, trong khi khối thạch quyển phía bắc Huế bị tụt xuống hàng trăm mét. Thượng nguồn Sông Hương (gồm hai sông Tả Trạch và Hữu Trạch) có đầy đủ tính chất của các dòng sông trẻ: nhiều ghềnh thác, bồi tích thô, nhiều đoạn hẹp có nước chảy xiết như những cuông lưu trong các hẻm vực sâu, nhiều nhánh sông bị bẻ quặt dị thường do bị đứt gãy không chế... Ngược lại, hạ lưu Sông Hương chảy trên đồng bằng lại là đoạn sông già: uốn khúc quanh co giữa các cánh đồng, chảy hiền hòa, lắng lẽ gần quanh năm trừ khi mưa lũ, xuất hiện các cồn cát giữa sông (đáng chú ý có cồn Dã Viên và Cồn Hến).⁽²¹⁾

Sự chênh vênh giữa thượng lưu và hạ lưu được tạo nên bởi hệ đứt gãy Huế đã khiến hầu như không có đoạn trung lưu để triệt tiêu động năng dòng nước hệ thống Sông Hương vào mùa lũ, nên khi kết hợp đầy đủ các yếu tố về lưu lượng, cường độ mưa bão vượt khả năng chịu đựng thông thường, dòng chảy của con sông bị tác động mạnh và có thể thay đổi.

Một kết quả nghiên cứu khác về quan hệ giữa sông An Cựu cổ, cửa Tư Hiền, Sông Hương và cửa Thuận An cũ (Cửa Eo) cho thấy hệ đứt gãy Huế đã góp phần làm nên sự kiện mở thêm Cửa Eo vào năm 1404, và biến cửa Tư Hiền thành cửa phụ với 3 pha biến đổi: Pha thứ nhất là ách tắc cửa sông An Cựu cổ và dòng chính chuyển sang Sông Hương; pha thứ hai là sự phát triển của delta triều xuống ở phía nam đầm Thủy Tú làm ách tắc con đường chuyển lũ từ cửa Sông Hương về cửa Tư Hiền; pha thứ ba là sự lớn nhanh của châu thổ Sông Hương và dòng lũ Sông Hương đột ngột lớn lên đã chọc thủng đáy cồn cát đối diện, mở ra Cửa Eo để trực tiếp thoát lũ từ Sông Hương.⁽²²⁾

Từ những trình bày trên đây, bước đầu có thể nhận định rằng, con sông An Cựu cổ trước năm 1404 là dòng chảy chính của hệ thống Sông Hương, là tác nhân chính của việc duy trì hệ thống đầm phá với chế độ một cửa duy nhất ở Tư Hiền. Vì thế, sự suy thoái của cửa Tư Hiền kể từ đầu thế kỷ XV đến nay liên quan mật thiết đến sự chuyển dòng và lụi tàn của dòng sông An Cựu cổ. Còn sự lụi tàn của

sông An Cựu cổ lại là tồn tại khách quan khiến đời sau khoát lên dòng sông ít nhất đến hơn mười tên gọi khác nhau, và xem nó là một con sông đào.

4. Lời kết

Dẫu biết rằng để xác định một dòng sông cổ đòi hỏi phải nhận diện được trầm tích tam giác châu, nón phóng vật, phân lớp xiên dạng rẽ quạt và có sự liên kết nhiều tài liệu địa chất, địa vật lý, cổ sinh, cổ địa hình, cổ thủy văn, phân tích tướng...⁽²³⁾ song việc nghiên cứu sông An Cựu khi đặt trong mối quan hệ kết nối đồng bộ từ thượng nguồn hệ thống Sông Hương, khu vực Cửa Khâu đầu sông, dòng sông, cửa sông, đến phá Hà Trung - đầm Cầu Hai và cửa biển Tư Hiền bằng phương pháp tiếp cận liên ngành địa lý - lịch sử nói trên cũng ít nhiều đã hé lộ lai lịch bí ẩn của dòng sông cổ lăm tên ở Huế.

Sông An Cựu là một thực thể liền mạch từ miệng sông giáp bờ nam Sông Hương đến phá Hà Trung - đầm Cầu Hai ở thế kỷ XIV trở về trước. Đó là tồn tại khách quan còn lưu lại vết tích cũ, nên khi vua Gia Long đặt dấu ấn khơi thông lại dòng sông này năm 1814, các sử quan của Quốc Sử Quán triều Nguyễn đã cẩn trọng ghi là: “vết sông An Cựu (tức là sông Lợi Nông ngày nay, ở bờ phía nam Sông Hương⁽²⁴⁾ dọc đến xã Thần Phù giáp phá Hà Trung)”, “sai dinh thần Quảng Đức xem đo đường sông mà khai vét”, đến năm 1816 thì “phát dân dinh Quảng Đức vét sông từ xã Chiết Bi đến xã Vinh Vệ”.⁽²⁵⁾ Sử liệu triều Nguyễn nói rõ cho “vết” [dòng sông cũ] chứ không phải “đào” ngay từ đầu, nhưng không hiểu từ đâu và từ lúc nào, sông An Cựu lại biến thành sông đào như cách hiểu hiện nay. Đó là một “nỗi oan” cho dòng sông cổ từng giữ vai trò quan trọng trong hệ thống Sông Hương, phá Hà Trung - đầm Cầu Hai và cửa biển Tư Hiền trước năm 1404.

Chuyện một dòng sông mang vài cái tên khác nhau không phải là điều hiếm gặp ở Việt Nam, nhưng một dòng sông chỉ dài 27 cây số mà gánh đến 12 cái tên như sông An Cựu thì quả thật là “xưa nay hiếm”. Tuy nhiên, điều trăn trở lớn nhất của chúng tôi cho đến hôm nay là ngoài việc dân gian vẫn sử dụng lăm tên sông để gọi đã đành, thì ngay cả giới nghiên cứu, tài liệu - văn bản của cơ quan quản lý và các bản đồ địa lý - thủy văn cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh ở Thừa Thiên Huế vẫn cứ sử dụng nhiều tên gọi khác nhau, thậm chí vẫn “cắt” dòng sông thành hai hay nhiều khúc sông khác nhau.

Xem những bản đồ do người Pháp vẽ dù ở thế kỷ XIX hoặc đầu thế kỷ XX, thấy họ tư duy rất liền mạch về toàn bộ dòng sông với tên gọi Phủ Cam trải từ đầu sông đến cuối sông. Lại thấy trên bản đồ vệ tinh hiện nay của Google Maps, người ta cũng ghi là sông An Cựu suốt từ Cửa Khâu đến Cống Quan, khác hẳn tư duy cắt khúc trong tài liệu thủy văn và bản đồ các loại về dòng sông này đang được duy trì phổ biến. Âu cũng là hệ quả từ số phận ly kỳ của một dòng sông cổ lăm tên!

N Q T T

CHÚ THÍCH

- (1) Khâu (丘) trong tiếng Hán-Việt nghĩa là nơi hợp lại. Cửa Khâu là nơi hợp lưu của hai dòng sông. Từ ý nghĩa này, người xưa gọi nơi mặt nước đầu sông An Cựu giáp với Sông Hương, đoạn gần đuôi cồn Dã Viên là Cửa Khâu (xem bản đồ).
- (2) Tọa độ này do chúng tôi xác định theo bản đồ vệ tinh hiện nay trên google.com/maps.
- (3) Dương Văn An (2001), *Ô Châu cận lục*, Tân dịch hiệu chú, Trần Đại Vinh-Hoàng Văn Phúc hiệu đính-dịch chú, Nxb Thuận Hoá, Huế, tr. 57.
- (4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập II, Tái bản lần thứ hai, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 115.
- (5) Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Tập I: *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 112.
- (6) Con số 68 đầu tư liệu văn bản tiếng Pháp có đề cập tên sông Phủ Cam, An Cựu và Lợi Nông trải từ đầu thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX mà chúng tôi tiếp cận được chỉ mang tính đại diện, chứ không phải tất cả chỉ có chừng ấy văn bản.
- (7) Địa danh Bến Ngự được hình thành do từ thời chúa Nguyễn, đặc biệt là khi vương triều Nguyễn thành lập, đoạn sông nơi đây có bến thuyền chuyên dành để đoàn ngự giá của vua Nguyễn xuống thuyền, lên bộ đi làm lễ tế trời ở đàn Nam Giao.
- (8) Một số văn bản của người Pháp đầu thế kỷ XX cũng có dùng tên sông Bến Ngự.
- (9) Tên các đoạn sông cũng có chỗ xuất nhập như Hà Tà có tài liệu ghi là Hà Tự, Thiệu Hóa có người đọc là Triều Hóa.
- (10) Nguyễn Đức Thạnh, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Hữu Cừ, Đỗ Nam, Nguyễn Miên, “Những đặc trưng cơ bản của hệ sinh thái đầm phá Tam Giang - Cầu Hai”, *Kỷ yếu hội thảo quốc gia về đầm phá Thừa Thiên Huế*, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 2005, tr. 46.
- (11) Xem cụ thể ở bài: Nguyễn Quang Trung Tiến, “Biến động địa lý cửa Tư Hiền trong lịch sử”, *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ* (tên cũ của *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*), số 4 (22).1998, tr. 88-93.
- (12) Tức Sông Hương hiện nay.
- (13) Tức Sông Nông [Nong] hiện nay.
- (14) Tức Sông Truồi hiện nay.
- (15) Tức sông Cầu Hai hiện nay.
- (16) Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, sđd, tr. 28.
- (17) Lê Quý Đôn toàn tập, Tập I: *Phủ biên tạp lục*, sđd, tr. 114.
- (18) Trong *Ô Châu cận lục* của Dương Văn An (đã dẫn), trang 28 ghi Cửa Eo vỡ vào năm đầu niên hiệu Khai Đại thời Hồ (1403); song theo bộ sử cổ nhất Việt Nam là *Đại Việt sử ký toàn thư* của Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên..., bản dịch của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, trang 302, và sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (đã dẫn), trang 35, thì ghi Cửa Eo vỡ vào năm Giáp Thân, niên hiệu Khai Đại năm thứ hai thời Hồ Hán Thương (1404).
- (19) Xem cụ thể ở bài: Nguyễn Quang Trung Tiến, “Biến động địa lý cửa Thuận An và các dự án đập Sông Hương trước 1975”, *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ*, Thừa Thiên Huế, Phần I, số 2 (20), 1998, tr. 73-79; Phần II, số 3 (21), 1998, tr. 94-97.

- (20) Nguyễn Quang Trung Tiến, “Lịch sử biến đổi của hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai tỉnh Thừa Thiên Huế”, Đề tài nhánh thuộc Dự án cấp Nhà nước: *Nghiên cứu phương án phục hồi, thích nghi cho vùng cửa sông ven biển Thuận An - Tư Hiền và đầm phá Tam Giang - Cầu Hai*, Viện Khoa học Thủy lợi, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Hà Nội, 2001, tr. 19.
- (21) Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Bắc Giang, “Tác động của hồ đập thủy lợi, thủy điện đối với an ninh môi trường Thừa Thiên Huế”, <http://khoamoitruonghue.edu.vn/>, 10/11/2010.
- (22) Nguyễn Đức Thạnh, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Hữu Cừ, Đỗ Nam, Nguyễn Miên, “Những đặc trưng cơ bản của hệ sinh thái đầm phá Tam Giang - Cầu Hai” (đã dẫn), tr. 54-55.
- (23) Nguyễn Tuấn Anh, “Nghiên cứu bề trầm tích, môi trường trầm tích cổ - Dựa trên tài liệu địa chất, địa chấn, địa vật lý giếng khoan”, <http://diavatly.com>.
- (24) Trong sách của Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 13, Thuận Hóa, Huế, 1993, trang 200 ghi là Sông Hương, nhưng bản dịch sách *Đại Nam thực lục* in nhầm thành Sông Lương, khiến nhiều người nhầm theo.
- (25) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập I, Tái bản lần thứ hai, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 881, 930.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Văn An (2001), *Ô Châu cận lục*, Tân dịch hiệu chú, Trần Đại Vinh-Hoàng Văn Phúc hiệu đính-dịch chú, Thuận Hóa, Huế.
2. Nguyễn Tuấn Anh, “Nghiên cứu bề trầm tích, môi trường trầm tích cổ - Dựa trên tài liệu địa chất, địa chấn, địa vật lý giếng khoan”, <http://diavatly.com>, ngày truy cập: 3/10/2018.
3. George N. Curzon, *The Geographical Journal*, Vol II, N°3, September 1893.
4. Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Tập I: *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Bắc Giang, “Tác động của hồ đập thủy lợi, thủy điện đối với an ninh môi trường Thừa Thiên - Huế”, <http://khoamoitruonghue.edu.vn/>, 10/11/2010.
6. Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên... (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập I, Tái bản lần thứ hai, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập II, Tái bản lần thứ hai, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Đức Thạnh, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Hữu Cừ, Đỗ Nam, Nguyễn Miên, “Những đặc trưng cơ bản của hệ sinh thái đầm phá Tam Giang - Cầu Hai”, *Kỷ yếu hội thảo quốc gia về đầm phá Thừa Thiên Huế*, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 2005, tr. 44-64.
10. Nguyễn Thứ, “Citadelle de Huế”, *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, N°1-2, Janvier-Juin 1933.
11. Nguyễn Quang Trung Tiến, “Biến động địa lý cửa Thuận An và các dự án đập Sông Hương trước 1975”, Tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ*, Thừa Thiên Huế, Phần I, số 2 (20), 1998, tr. 73-79; Phần II, số 3 (21), 1998, tr. 94-97.
12. Nguyễn Quang Trung Tiến, “Biến động địa lý cửa Tư Hiền trong lịch sử”, Tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ*, Thừa Thiên Huế, số 4 (22), 1998, tr. 88-93.

13. Nguyễn Quang Trung Tiến, “Lịch sử biến đổi của hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai tỉnh Thừa Thiên Huế”, Đề tài nhánh thuộc Dự án cấp Nhà nước: *Nghiên cứu phương án phục hồi, thích nghi cho vùng cửa sông ven biển Thuận An - Tư Hiền và đầm phá Tam Giang - Cầu Hai*, Viện Khoa học Thủy lợi, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Hà Nội, 2001.

TÓM TẮT

Sông An Cựu vốn dĩ là một dòng sông tự nhiên cổ xưa, đóng vai trò quan trọng trong hệ thống Sông Hương trên địa bàn Thừa Thiên Huế từ trước Công nguyên. Do kiến tạo địa lý và thay đổi đột ngột về chế độ thủy văn nên nước chuyển dòng làm con sông bị giảm lưu lượng nước, bồi lấp, thu hẹp dần và đứt đoạn, đánh mất vai trò là nguồn cung cấp nước chính cho phá Hà Trung-đầm Cầu Hai và cửa biển Tư Hiền kể từ đầu thế kỷ XV. Hơn 400 năm sau, khi được nạo vét, kết nối khơi thông trở lại nhằm phục vụ việc tưới tiêu đồng ruộng và giao thông thủy nội địa quy mô nhỏ kể từ đầu thế kỷ XIX, nó lại bị nhận lầm là “con sông đào”. Cũng vì “chết” đi ngót nửa thiên niên kỷ rồi “sống lại” nhờ khơi vét, sự liền mạch hay nhất quán về tên gọi của dòng sông xưa cổ đã biến mất theo thời gian, thay vào đó là những địa danh đời sau, nơi có những đoạn sông chảy qua, được lấy làm tên sông, mỗi nơi một tên, tạo thành cả chuỗi 12 tên sông; nên dù đã được nhà nước thời Nguyễn đặt cho một cái tên chính thức và thống nhất toàn bộ dòng sông là Lợi Nông, đến nay dòng sông vẫn cứ mang nhiều tên, và mỗi người, mỗi nơi cứ gọi mỗi cách tùy theo địa phương hay nhận thức. Bài viết này nhằm thử phác họa lại diện mạo địa lý của dòng sông cổ có số phận ly kỳ và lăm lăm tên đó.

ABSTRACT

IN SEARCH OF THE GEOGRAPHIC ASPECT OF AN ANCIENT RIVER: AN CỰU RIVER

An Cựu River is originally an ancient river which played an important role in the Perfume River system in Thừa Thiên - Huế Province from the date of BC (before Christ). Due to geological structure and sudden change in hydrological regime, the river has reduced the water flow and been accreted, gradually narrowed and intermitted, losing the role of the main water source supplied for Hà Trung - Cầu Hai lagoons and Tư Hiền estuary since the early 15th century. Over 400 years later, when being dredged and debottleneck for small-scale irrigation and inland waterway transport since the early 19th century, it was mistakenly identified as a “canal”. Because the river “died” for half a millennium and then “revived” thanks to dredging, the original name of that ancient river changed over time and then it bears different names for each part that the river goes by, forming a series of 12 names; therefore, despite being given the official name Lợi Nông River by the Nguyen Dynasty, it still bears various names depending on the locality and the local people. This article attempts to draft the geographic aspect of an ancient river which has a strange fate and various names.